

Số: /PTSNT-BC-BGD

Vinh, ngày 23 tháng 6 năm 2020



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020

Kính thưa Quý vị cổ đông và Quý vị đại biểu!

I. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2019

1.1. Tổng quan về môi trường kinh doanh trong năm 2019

Năm 2019 nền kinh tế trong nước tương đối ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế cả nước đạt 7,02%. Trong khi đó tốc độ tăng trưởng kinh tế của các tỉnh Nghệ An đạt 8,64%, Hà Tĩnh đạt 10,99%, Thanh Hóa đạt 13,21%.

Việc điều hành giá xăng dầu của Chính phủ đã bám sát với thế giới, vận hành theo Nghị định 83/2014/NĐ - CP, do đó cơ chế lãi gộp linh hoạt và lãi gộp duy trì khá ổn định.

Tuy nhiên, thị trường xăng dầu nội địa cạnh tranh ngày càng quyết liệt, đặc biệt thị trường ở vùng đầu nguồn, số lượng cửa hàng bán lẻ trên địa bàn nhiều đã chia sẻ thị phần. Việc cạnh tranh không bình đẳng giữa các đơn vị kinh doanh cùng ngành hàng là nguồn xăng dầu không rõ nguồn gốc vẫn tràn lan trên thị trường với mức chiết khấu cao. Trong năm 2019, Tập đoàn Thiên Minh Đức (DKC) đã đưa Tổng kho xăng dầu đi vào hoạt động và không ngừng đẩy nhanh việc mở rộng mạng lưới bán hàng trong nước và tái xuất sang Lào, điều này ảnh hưởng lớn đến thị phần Petrolimex trên địa bàn.

Thị trường vận tải tái xuất Lào sụt giảm và gặp nhiều khó khăn, nhiều thời điểm giá xăng dầu Thái Lan thấp hơn Việt Nam nên Công ty Petrolimex Lào (PLL) chủ động lấy hàng từ Thái Lan cho thị trường Vientian. Một số khách hàng, Kho chủ động đầu tư phương tiện hoặc thuê phương tiện của người Lào để vận chuyển hàng (họ vẫn mua hàng của PLL và nhận hàng tại kho Bến thủy).

Các chính sách, quy định còn nhiều bất cập, các thủ tục tại cửa khẩu thường xuyên thay đổi làm tăng chi phí và thời gian vận chuyển như: quy định về tỷ trọng mặt hàng Xăng, xuất hiện thêm các cơ quan quản lý tại cửa khẩu...

Hiện nay theo Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 quy định chỉ cho xe Sitec chạy với tốc độ tối đa 60 km/h đối với đường đôi hoặc đường một chiều có hai làn xe cơ giới trở lên (quy định cũ trước đây cho phép tối đa 80km/h), dẫn đến thời gian quay vòng chuyển lâu, năng suất phương tiện giảm, thời gian lao động ngoài giờ của lái xe tăng lên.

Trong bối cảnh đó, với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex (PTC), HĐQT, ban Giám đốc Công ty và sự kết hợp sức mạnh trong hệ thống, Công ty vẫn đạt được một số kết quả nhất định.

1.2. Những kết quả đạt được:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019	Thực hiện		Tỷ lệ TH % 2018 so với	
				2018	2019	2018	KH 2019
I	Sản lượng thực hiện						
1.1	Xăng dầu	m³	64.970	69.161	71.036	103	109
+	Bán lẻ	m ³	45.010	42.867	49.316	115	110
+	Bán buôn	m ³	18.172	24.559	19.865	81	109
+	Nội dụng	m ³	1.788	1.735	1.855	107	104
1.2	Dầu mỡ nhờn	Lit	147.000	140.746	134.726	96	92
1.3	Gas	Kg	754.000	704.566	664.561	94	88
1.4	Vận tải	m³.km	65.860.335	60.828.997	67.592.900	111	103
+	Vận tải Lào	m ³ .km	24.386.929	25.204.914	21.690.000	86	89
+	Vận tải Nội địa	m ³ .km	41.473.406	35.624.083	45.902.900	129	110
	<i>Trong đó: Vận tải thuê ngoài</i>	<i>m³.km</i>		<i>790.239</i>	<i>4.680.897</i>		
1.5	Đào tạo lái xe	Học viên	8.439	10.485	11.459	109	136
+	Học viên hạng A1	Học viên	5.500	7.264	8.418	116	153
+	Học viên hạng B	Học viên	2.637	2.872	2.697	94	102
+	Học viên hạng C	Học viên	302	349	344	99	114

Nhìn chung trong năm 2019, tuy môi trường kinh doanh gặp không ít khó khăn nhưng các chỉ tiêu của Công ty đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

1.2.1. Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, dầu mỡ nhờn, gas:

- Tổng sản lượng xăng dầu năm 2019 đạt: 71.036 m³, đạt 109% kế hoạch, tăng 3% so với cùng kỳ, trong đó:

+ Bán lẻ: 49.316 m³, đạt 110% kế hoạch, tăng 15% so với cùng kỳ

+ Bán buôn: 19.865 m³, đạt 109% kế hoạch, giảm 19% so với cùng kỳ

+ Nội bộ: 1.855 m³, đạt 104% kế hoạch, tăng 7% so với cùng kỳ

- Tổng sản lượng dầu mỡ nhờn: 134.726 lít, đạt 92% kế hoạch, giảm 4% so với cùng kỳ

- Sản lượng gas đạt: 664.561 kg, đạt 88% kế hoạch, giảm 6% so với cùng kỳ.

1.2.2 Lĩnh vực vận tải xăng dầu:

- Tổng sản lượng PTS Nghệ Tĩnh vận chuyển: 67.592.900 m³.km, đạt 103% kế hoạch, tăng 11% so với cùng kỳ, trong đó:

+ Vận tải Lào: 21.690.000 m³km, đạt 89% kế hoạch, giảm 14% so với cùng kỳ.

+ Vận tải nội địa: 45.902.900 m³km, đạt 129 % kế hoạch, tăng 10% so với cùng kỳ. Trong đó: sản lượng vận chuyển thuê ngoài đạt 4.680.897 m³km, chiếm 5% tổng sản lượng m³km vận chuyển nội địa của Công ty.

1.2.3. Lĩnh vực đào tạo và sát hạch lái xe.

Hạng A1 8.418 học viên, đạt 153% so với kế hoạch và tăng 16% so với cùng kỳ; hạng B1 538 học viên, đạt 131% so với kế hoạch và tăng 49% so với cùng kỳ, hạng B2 2.159 học viên, đạt 97% so với kế hoạch và giảm 14% so với cùng kỳ, hạng C 344 học viên, đạt 114% so với kế hoạch và giảm 1% so với cùng kỳ.

1.3. Kết quả kinh doanh các loại hình

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019	Thực hiện		Tỷ lệ TH % 2018 so với	
				2018	2019	2018	KH 2019
I	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.150.104	1.252.954	1.264.918	101	110
1.1	Doanh thu thuần bán hàng, dvụ	Tr.đồng	1.149.622	1.252.560	1.264.174	101	110
1.2	Doanh thu từ HĐ tài chính	Tr.đồng	150	292	274	94	180
1.3	Thu nhập khác	Tr.đồng	332	102	471	461	142
II	Tổng chi phí	Tr.đồng	1.140.904	1.244.629	1.255.668	101	110
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	9.200	8.324	9.250	111	101
3,1	Vận tải	Tr.đồng	3.314	2.480	2.945	119	89
3,2	Xăng dầu	Tr.đồng	4.050	3.818	2.928	77	72
3,3	Dầu nhờn	Tr.đồng	98	86	62	72	63

3,4	Gas	Tr.đồng	187	173	184	106	98
3,5	Đào tạo lái xe	Tr.đồng	1.135	1.340	2.360	176	208
3,6	Khác	Tr.đồng	415	427	771	181	186
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	7.177	6.407	7.264	113	101
V	Tỷ suất LN/vốn ĐLệ BQ	%	15,0	17,0	14,6	86	97
VI	Tỷ suất LN/vốn Đtư BQ của CSH	%	11,0	12,2	11,1	91	101
VII	Tỷ lệ trả cổ tức	%	10,0	13,0	10,0	77	100
VIII	Tổng PS phải nộp NSNN	Tr.đồng	6.000	4.536	6.426	142	107
IX	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	42.976	40.991	44.364	108	103
X	Tổng số LĐ đến cuối kỳ báo cáo	Người	425	408	414	101	97
XI	Thu nhập BQ (1000đ/ng/th)	Tr.đồng	8,7	8,6	8,7	101	100
XII	Vốn điều lệ	Tr.đồng	58.478	38.985	58.478	150	100
XIII	Giá trị đầu tư trong kỳ	Tr.đồng	62.742	72.800	28.120	39	45

Lợi nhuận năm 2019 là 9.250 triệu đồng, tăng 926 triệu đồng, tăng 11% so cùng kỳ; đạt 101% so với kế hoạch. Trong đó:

- Lợi nhuận kinh doanh xăng dầu: 2.928 triệu đồng, giảm 890 triệu đồng, bằng 77% so với cùng kỳ.

- Lợi nhuận kinh doanh vận tải năm 2019 là 2.945 triệu đồng, tăng 465 triệu đồng, tăng 18% so với cùng kỳ.

- Lợi nhuận kinh doanh Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe năm 2019 là 2.360 triệu đồng, tăng 1.020 triệu đồng, tăng 76% so với cùng kỳ

- Lợi nhuận kinh doanh gas và dầu nhờn năm 2019 là 246 triệu đồng, giảm 13 triệu đồng so với cùng kỳ.

- Lợi nhuận xưởng và cột bơm năm 2019 là 28 triệu đồng, giảm 33 triệu so với cùng kỳ.

- Thu nhập khác năm 2019 là 743 triệu đồng, tăng 377 triệu đồng so với cùng kỳ là do năm 2019 Công ty thanh lý một số phương tiện vận tải.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN:

Trong năm 2019 tổng giá trị đầu tư của Công ty là: 28.120 triệu đồng.

- Công ty đã xây dựng xong và đưa vào hoạt động CHXD Thạch Quý (cửa hàng 110) đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh với giá trị đầu tư năm 2019 là 5.697 triệu đồng.

- Đầu tư cửa hàng xăng dầu Hiến Sơn (cửa hàng 150) (Đường N5 QL7C) tại xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, tổng giá trị đầu tư 7.771 triệu đồng, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng tháng 2 năm 2020.

- Thực hiện đầu tư mua 06 xe sitec với giá trị đầu tư là 7.091 triệu đồng.

- Đang làm thủ tục đầu tư xây dựng các CHXD gồm: Hưng Đông mới tại đường 72m xã Hưng Đông thành phố Vinh, CHXD Thạch Sơn tại huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, CHXD Nam Phúc tại huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đang làm thủ tục xin mở rộng bãi tập xe tại xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đang làm thủ tục xin mở rộng CHXD Nghi Hoa (cửa hàng 146) tại đường tránh thành phố Vinh, xã Nghi Hoa, Nghi Lộc, Nghệ An.

- Đang phối hợp với PA để làm thủ tục xin đầu tư xây dựng kho nhiên liệu bay Jet A1 tại khu đất phía sau văn phòng Công ty.

III. KẾ HOẠCH NĂM 2020 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

3.1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	% KH 2020 so với TH 2019
1	Sản lượng thực hiện			
-	Xăng dầu	m ³	62.600	88
+	Bán lẻ	m ³	44.977	95
+	Bán buôn, đại lý	m ³	15.800	73
+	Nội dụng	m ³	1.823	98
-	Dầu mỡ nhờn	m ³	127.393	95
-	Gas	Tấn	560	84
-	Vận tải	m ³ .km	58.041.000	86
-	Đào tạo lái xe	Học viên	9.580	84
+	Học viên A1	Học viên	6.500	77
+	Học viên B	Học viên	2.800	104
+	Học Viên C	Học viên	280	82
2	Doanh thu hợp nhất	Tr.đồng	818.900	63
3	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tr.đồng	6.280	68
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	8	80
5	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	39.727	142

3.2. Một số giải pháp chủ yếu:

- Tổ chức quyết liệt công tác kinh doanh Gas, dầu mỡ nhờn, bảo hiểm, phân đấu gia tăng sản lượng bán ra. Chú trọng các hình thức chăm sóc khách hàng, đặc biệt là các khách hàng truyền thống.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác vận tải, các cửa hàng bán lẻ nhằm nâng cao chất lượng vận tải, chi phối thị trường vận tải cũng như nâng cao chất lượng phục vụ tại các cửa hàng bán lẻ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị cơ sở, nâng cao chất lượng công tác quản lý các đơn vị, quản lý dòng tiền. Đảm bảo an toàn tuyệt đối về tài chính, bảo toàn tốt và phát triển vốn, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Nắm bắt tốt thông tin thị trường, kịp thời đưa ra các chính sách kinh doanh phù hợp với từng thời điểm.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối mọi mặt trong SXKD, tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát việc chấp hành quy định về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an ninh, an toàn tại các cửa hàng xăng dầu.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ, nhằm phát huy sở trường, năng lực của mỗi người, tạo nguồn cán bộ có trình độ đáp ứng yêu cầu phát triển của Doanh nghiệp.

- Xây dựng lại phương án khoán tại các bộ phận nhằm kích thích người lao động gia tăng sản lượng, tăng năng suất lao động so với mặt bằng chung của Tập đoàn.

- Khảo sát lại các cung đường hiện tại và các cung đường mới để xây dựng lại định mức kinh tế kỹ thuật về nhiên liệu và xăng lớp ô tô.

- Khai thác năng lực vận tải một cách tối đa, chỉ thực hiện hợp đồng thuê ngoài khi nhu cầu vận tải thực sự cần thiết.

- Xây dựng các chương trình đào tạo về chuyên môn cũng như nhận thức cho công nhân lái xe và công nhân bán hàng trong điều kiện kinh doanh đòi hỏi tính chuyên nghiệp cao và phát triển thương hiệu cho Công ty.

IV. KẾT LUẬN

Trong năm 2019, tuy gặp phải nhiều khó khăn cũng như sự cạnh tranh lớn trên thị trường nhưng Công ty đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên còn nhiều lĩnh vực kinh doanh của Công ty vẫn chưa phát huy hết tiềm năng. Trong năm 2020, dự kiến sự cạnh tranh trên thị trường còn lớn hơn, nhiều yếu tố khách quan sẽ ảnh hưởng đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty. Nhưng với sự nỗ lực của tập thể lãnh

đạo, cán bộ công nhân viên trong Công ty và sự phối hợp chặt chẽ sức mạnh trong hệ thống Petrolimex, Công ty PTS Nghệ Tĩnh phấn đấu hoàn thành kế hoạch đặt ra.

Trên đây là kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch năm 2020 báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020 của Công ty PTS Nghệ Tĩnh.

Trân trọng cảm ơn./.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Số: /PTSNT-BC-HĐQT

Vinh, ngày 23 tháng 6 năm 2020



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY PTS NGHỆ TĨNH

Kính thưa các Quý Cổ đông, các Quý vị đại biểu!

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty PTS Nghệ Tĩnh và các quy định pháp luật liên quan, thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT), tôi xin trình bày báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và đề xuất một số định hướng trong năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH.

Năm 2019, tình hình kinh tế trong nước nói chung và điều kiện kinh doanh xăng dầu nói riêng có nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen, căn cứ Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt các mục tiêu, định hướng, tạo điều kiện để Ban Điều hành triển khai các giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

Với việc kiên trì những mục tiêu và giải pháp đề ra từ đầu năm, thực hiện điều hành hoạt động SXKD một cách linh hoạt, thích ứng kịp thời với điều kiện thị trường, Công ty PTS Nghệ Tĩnh đã đạt được những kết quả tương đối khả quan, đặc biệt là hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2019 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua bằng Nghị quyết ngày 12/4/2019.

2.1. Về nhân sự HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty PTS Nghệ Tĩnh tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 có 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên Hội đồng quản trị điều hành, 01 thành viên HĐQT không điều hành và 01 thành viên HĐQT độc lập, danh sách cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hoàng Công Thành	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
2	Ông Mạnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
3	Ông Đào Ngọc Tiến	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng
4	Ông Võ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập
5	Ông Hoàng Văn Tuyền	Thành viên HĐQT

2.2. Về tổ chức các cuộc họp của HĐQT:

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu được gửi đầy đủ đến các thành viên dự họp tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ Công ty.

Tỷ lệ thành viên HĐQT tham dự các phiên họp định kỳ năm 2019 như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Hoàng Công Thành	Chủ tịch HĐQT	04	100%
2	Ông Mạnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT	04	100%
3	Ông Võ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	04	100%
4	Ông Đào Ngọc Tiến	Thành viên HĐQT	04	100%
5	Ông Hoàng Văn Tuyền	Thành viên HĐQT	04	100%

2.3.Đánh giá về các mặt hoạt động của HĐQT năm 2019:

- Phân phối lợi nhuận năm 2019: Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện phân phối lợi nhuận theo đúng nội dung của Nghị quyết đại hội;

- Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 26/12/2018, được sự chấp thuận của UBCKNN, HĐQT Công ty đã hoàn tất công tác nâng vốn Điều lệ, cụ thể như sau:

+ Phát hành thành công 1.949.228 cổ phiếu (tương ứng 19.492.280.000 đồng) cho cổ đông hiện hữu, qua đó nâng tổng số cổ phiếu của Công ty lên 5.847.685 cổ phiếu, tương ứng 58.476.850.000 đồng vốn điều lệ.

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty đã thực hiện lưu ký chứng khoán bổ sung đối với phần cổ phiếu phát hành thêm. Thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo theo quy định. Số vốn Điều lệ tăng thêm được sử dụng để trả nợ vay ngân hàng theo phương án mà ĐHĐCĐ bất thường đã thông qua bằng Nghị quyết.

Cùng với đó, HĐQT đã hoàn thiện hồ sơ thay đổi Giấy phép kinh doanh, thay đổi Điều lệ Công ty theo mức vốn Điều lệ mới.

- Thực hiện chi trả thù lao của HĐQT năm 2019: Trong năm, HĐQT đã tiến hành chi trả thù lao cho HĐQT số tiền là 1.445.076.000 đồng, thực hiện theo đúng nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019;

- Tổ chức 02 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT để xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa các phiên họp;

- ĐHĐCĐ thường niên 2019 đã quyết nghị thông qua tổng giá trị đầu tư năm 2019 của Công ty là 62,7 tỷ đồng. Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào tình hình SXKD và những tác động thiếu tích cực của nền kinh tế, HĐQT đã chủ động điều chỉnh kế hoạch đầu tư để đảm bảo an toàn tài chính và hiệu quả kinh doanh. Tổng giá trị đầu tư trong năm 2019 là trên 28 tỷ đồng, chỉ đạt 39% so với cùng kỳ và 45% kế hoạch. Trọng tâm đầu tư năm 2019 của Công ty là đã xây dựng và đưa vào hoạt động CHXD Thạch Quý (Quý III/2019), CHXD Hiến Sơn (Quý I/2020).

- Thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng Công ty dịch vụ Xăng dầu Petrolimex;

- Ban hành các Nghị quyết phiên họp HĐQT định kỳ, Nghị quyết về các vấn đề lấy ý kiến các Thành viên HĐQT;

- Thực hiện phối hợp tốt với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Doanh nghiệp theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

- Thực hiện chức năng quản trị Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT đã được Điều lệ Công ty quy định.

III. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2019.

- Ban điều hành đã thực hiện tốt các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019:

+ Lợi nhuận trước thuế: 9.250 triệu đồng, đạt 101% kế hoạch, tăng 11% so với cùng kỳ;

+ Lợi nhuận sau thuế: 7.264 triệu đồng;

+ Tỷ lệ chia cổ tức trình Đại hội: 10%;

+ Thu nhập bình quân: 8,7 triệu đồng/người/tháng, đạt kế hoạch ĐHĐCĐ.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản trị kinh doanh để nâng cao sản lượng kinh doanh xăng dầu;

- Quản trị tốt công nợ khách hàng trong điều kiện sản lượng bán buôn vẫn có mức tăng trưởng mạnh;

- Thực hiện tốt việc mở rộng mạng lưới bán lẻ, đã hoàn thành việc xây dựng mới 02 CHXD tại Nghệ An và Hà Tĩnh;

- Hoàn thiện các thủ tục để xây dựng sân tập lái Hưng Đông, xây kho Nhiên liệu Bay phía sau Văn phòng Công ty;

- Quy hoạch hệ thống phương tiện vận tải trong điều kiện thị trường vận tải Lào ngày càng co hẹp, nâng cao thị phần vận tải Nội địa. Tăng cường công tác quản trị con người và phương tiện đối với mảng kinh doanh vận tải Nhiên liệu bay, có định hướng mở rộng thị phần để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

Với tinh thần trách nhiệm trước cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT Công ty đã hoàn thành khá tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc giám sát đối với Ban Điều hành trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu chủ yếu trong Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 đã được hoàn thành tốt, tạo điều kiện cho việc phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

Đồng thời, chúng tôi cũng nhận thấy rằng mặc dù còn một số mặt chưa đạt được yêu cầu như mong muốn của từng thành viên HĐQT, của Quý cổ đông và của tập thể người lao động trong Công ty. Một số thành viên HĐQT hoạt động kiêm nhiệm, phân tán nên đôi khi chưa đôn đốc sát sao công tác quản lý điều hành Công ty, tỷ lệ vốn chủ

sở hữu của Công ty thấp khiến cho công tác đầu tư gặp nhiều khó khăn. Tuy vậy chúng tôi vẫn mạnh dạn báo cáo trước Quý cổ đông rằng HĐQT Công ty PTS Nghệ Tĩnh đã hoàn thành những nhiệm vụ trọng yếu mà ĐHĐCĐ năm 2019 đã giao.

V. PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2020

Trong năm 2020, điều kiện cơ chế kinh doanh xăng dầu và vận tải sẽ có nhiều biến động, khả năng gia tăng sản lượng kinh doanh xăng dầu không lớn như các năm trước, thị trường kinh doanh vận tải Lào tiếp tục gặp nhiều khó khăn, tác động tiêu cực của dịch bệnh cũng như những bất ổn về kinh tế chính trị thế giới ảnh hưởng mạnh đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2019, trên cơ sở đánh giá những thuận lợi, khó khăn và đặc điểm tình hình trong thời gian tới, Hội đồng quản trị đề ra định hướng cho năm 2020 như sau:

- Chỉ đạo sát sao để triển khai thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Quyết liệt trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; nâng cao tinh thần trách nhiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của cổ đông. Một số chỉ tiêu kế hoạch tài chính cơ bản năm 2020 như sau:

+ Tổng doanh thu:	818.900 tỷ đồng
+ Lợi nhuận trước thuế:	6.280 triệu đồng
+ Tổng giá trị đầu tư:	39.727 triệu đồng
+ Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến):	8%.

- Mục tiêu chiến lược:

Xây dựng Công ty PTS Nghệ Tĩnh vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp; đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giỏi năng lực chuyên môn, năng động, sáng tạo.

- Một số giải pháp trọng tâm:

+ Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo công tác tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.

+ Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

+Cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến để đáp ứng yêu cầu quản trị Công ty trong tình hình mới, đặc biệt là khi Công ty đã thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán tập trung.

+Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm và chính sách lương - thưởng đối với người lao động.

+Thực hiện các chức năng quản lý Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty.

+Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

+Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng chức năng và quyền hạn, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém nhằm cùng với Ban Giám đốc Công ty phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển, xứng đáng với kỳ vọng của các Quý cổ đông.

Kính thưa các Quý cổ đông và Quý đại biểu!

Trên đây là báo cáo của HĐQT tổng kết hoạt động năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020, chúng tôi mong muốn rằng các Quý cổ đông sẽ đóng góp nhiều ý kiến thiết thực giúp HĐQT hoạt động ngày càng tốt hơn, đưa lại hiệu quả kinh doanh và gia tăng cổ tức cho cổ đông.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn đến các Quý vị Cổ đông, các cơ quan chức năng của tỉnh Nghệ An, Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex cùng các đối tác, khách hàng đã tin tưởng và ủng hộ Công ty PTS Nghệ Tĩnh trong những năm qua. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững của Petrolimex nói chung và Công ty PTS Nghệ Tĩnh nói riêng “Đề tiến xa hơn”.

Thay mặt Hội đồng quản trị tôi xin chúc các Quý cổ đông và các Quý vị đại biểu sức khỏe, thành công và hạnh phúc!

Cảm ơn và trân trọng!

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /PTSNT-BC-BKS

Vinh, ngày 23 tháng 6 năm 2020



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY PTS NGHỆ TĨNH NĂM 2019

Kính thưa: - Các Quý vị đại biểu
 - Các Quý vị cổ đông

Thực hiện chức năng nhiệm vụ kiểm tra giám sát quy định tại Luật Doanh nghiệp; Điều lệ của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (PTS Nghệ Tĩnh); Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát (BKS), BKS xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả kiểm tra giám sát và tình hình hoạt động của BKS trong năm 2019 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.

Ban kiểm soát PTS Nghệ Tĩnh gồm 3 thành viên:

1. Ông Trần Anh Tuấn – Trưởng ban
2. Ông Trần Thanh Sơn – Kiểm soát viên
3. Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm soát viên

BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý điều hành đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực căn cứ vào điều lệ của Công ty, Nghị quyết của HĐQT, của Hội đồng quản trị (HĐQT), các quy định pháp lý hiện hành. Trong năm 2019 BKS đã triển thực hiện các công việc sau:

- BKS đã xây dựng chương trình kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo khả năng chuyên môn.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đưa ra kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và Nghị quyết của HĐQT. Giám sát tình hình hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng/năm, rà soát công nợ khách hàng, chi phí kinh doanh, lao động tiền lương và thực hiện kế hoạch đầu tư, và đưa ra các kiến nghị đối với HĐQT và Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị Công ty.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

2.1. Thẩm định báo cáo tài chính:

- BKS thống nhất với nội dung của Báo cáo tài chính Công ty tại thời điểm 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong báo cáo tài chính:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2019	31/12/2018
I	Tổng tài sản		253.999	247.125
1	Tài sản ngắn hạn	Tr.đồng	70.831	65.602
2	Tài sản dài hạn	Tr.đồng	183.168	181.523
II	Tổng nguồn vốn		253.999	247.125
1	Nợ phải trả	Tr.đồng	177.289	191.702
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	76.710	55.423
III	Khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,44	0,39
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,30	0,33
IV	Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	70	77,6
2	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	30	22,4
V	Khả năng sinh lợi			
	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	7.264	6.407
1	ROE (Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu BQ)	%	11	12
2	ROA (Tỷ suất LNST/Tổng tài sản BQ)	%	2,86	2,6
VI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	1.458	1.677

Tổng tài sản và nguồn vốn 253.999 Tr.đồng tăng 6.874 Tr.đồng so với đầu năm trong đó tài sản ngắn hạn 70.831 Tr.đồng tăng 5.229 Tr.đồng chiếm 28%, tài sản dài hạn 183.168 Tr.đồng tăng 1.645 Tr.đồng chiếm 72%, nợ phải trả 177.289 Tr.đồng giảm 14.414 Tr.đồng chiếm 70%, vốn chủ sở hữu 76.710 Tr.đồng tăng 21.287 Tr.đồng chiếm 30%. So với đầu năm tài sản tăng tập trung chủ yếu ở hàng tồn kho tăng 11.690 Tr.đồng, XDCB tăng 8.049 Tr.đồng. Tuy nhiên tồn tiền mặt lại giảm so với đầu kỳ 2.412 Tr.đồng, phải thu khách hàng giảm 3.834 Tr.đồng, tài sản cố định giảm 7.688 Tr.đồng, tương ứng với nguồn vốn vay ngắn hạn ngân hàng giảm 15.706 Tr.đồng, nợ dài hạn giảm 8.824 Tr.đồng và vốn góp chủ sở hữu tăng 19.492 Tr.đồng do trong năm tăng vốn điều lệ.

Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu = 3 lần, giảm 1,89 lần so với đầu kỳ, vốn CSH tài trợ 30% nhu cầu vốn Công ty. Khả năng thanh toán ngắn hạn 0,44 lần, tài sản ngắn hạn không đảm bảo thanh toán các khoản nợ của Công ty do Công ty đang sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để đầu tư tài sản cố định, với mô hình này Công ty sử dụng được nguồn vốn với lãi suất thấp nhưng lại làm gia tăng rủi ro về mặt tài chính. Cân đối nguồn vốn dài hạn và tài sản dài hạn tại thời điểm 31/12/2019 nguồn vốn dài hạn thiếu 88.464 Tr.đồng. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2019 là 11%.

2.2. Kết quả triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và một số nhiệm vụ trọng tâm:

2.2.1. Kết quả báo cáo hợp nhất năm:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% so KH	% so cùng kỳ
- Sản lượng					
+ Vận tải	m ³ Km	65.860.335	67.592.900	103%	111%
+ Xăng dầu	m ³ /Tấn	64.970	71.036	109%	103%
+ Đào tạo & SH lái xe	Học viên	8.439	11.459	136%	109%
- Doanh thu thuần	Tr đồng	1.150.104	1.264.918	110%	101%
- Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	9.200	9.250	101%	111%
- Lợi nhuận sau thuế	%	7.177	7.264	101%	113%
- Lợi nhuận sau thuế/VĐL	%	15	14,6	97%	86%
- Chi trả cổ tức dự kiến	%	10	10	100%	77%
- Tổng giá trị đầu tư	Tr đồng	62.742	28.120	45%	39%

Doanh thu thuần đạt 1.264.918 Tr.đồng, đạt 110% KH tăng 1% so với cùng kỳ.
Lợi nhuận trước thuế lãi 9.250 Tr.đồng, đạt 101% KH và tăng 11% so với cùng kỳ, trong đó lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh 8.479 Tr.đồng chiếm tỷ trọng 91,66%.
Lợi nhuận sau thuế 7.264 Tr.đồng, đạt 101% KH và tăng 13% so với cùng kỳ.
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ 14,6%, đạt 97% KH, bằng 86% so với năm 2018.

Cổ tức dự kiến chi trả 10%, đạt 100% KH.

2.2.2. *Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD:*

- Lĩnh vực vận tải:

Sản lượng vận chuyển đạt 67.592.900 m³km đạt 103% KH tăng 11% so với cùng kỳ, trong đó vận chuyển cho Lào 21.690.000 m³km đạt 89% KH, giảm 14% so với cùng kỳ chiếm tỷ trọng 32%, vận chuyển nội địa 45.902.900 m³km đạt 110% KH tăng 29% so với cùng kỳ.

- Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn, gas:

Sản lượng bán xăng dầu 71.036 m³ đạt 109% KH kế hoạch và tăng trưởng 3% năm trước, trong đó sản lượng bán lẻ xăng dầu 49.316 m³ tăng trưởng 15%, bán buôn 19.865 m³ giảm 19%. Lãi gộp xăng dầu BQ 1.040 đ/lít. Lợi nhuận từ kinh doanh xăng dầu 2.928 Tr.đồng giảm 26% so với năm trước. Năng suất lao động bình quân 27 m³/người/tháng.

Sản lượng DMN 134.794 lít, đạt 92% KH, giảm 4% so với cùng kỳ, trong đó sản lượng bán lẻ 99.955 lít, đạt 101% KH, tăng 8% so với cùng kỳ, bán buôn 34.839 lít, đạt 71% KH, giảm 26% so với cùng kỳ. Lợi nhuận kinh doanh DMN 62 Tr.đồng.

Sản lượng kinh doanh gas 665 tấn, đạt 88% KH, giảm 6% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó sản lượng bán lẻ đạt 286 tấn, đạt 88% KH, giảm 6% so với cùng kỳ, bán buôn 379 tấn, đạt 88% KH, giảm 6% so với cùng kỳ. Lợi nhuận kinh doanh gas 184 Tr.đồng.

- Lĩnh vực đào tạo và sát hạch lái xe:

Số lượng học viên đào tạo 11.459 học viên đạt 136% KH tăng 9% so với cùng kỳ trong đó số lượng học viên lái xe ô tô hạng B1, B2 và C đạt 103% KH giảm 6% so với cùng kỳ, số lượng học viên hạng A1 đạt 153% KH tăng 16% cùng kỳ. Trong năm Trung tâm đã tổ chức được 43 khóa sát hạch (nội bộ 17 khóa và sát hạch ngoài 26 khóa) góp phần tạo nên doanh thu thuần 26.561 Tr.đồng đạt 119% KH tăng 14% cùng kỳ, Lợi nhuận trước thuế 2.360 Tr.đồng đạt 208% KH và 176% so với cùng kỳ.

- Công tác đầu tư:

Công tác đầu tư của Công ty căn cứ theo kế hoạch đầu năm, Công ty đã triển khai kịp thời, đúng thời cơ, kịp tiến độ để phục vụ hoạt động SXKD. Tuy nhiên, tổng giá trị đầu tư năm 2019 chỉ 28.120 Tr.đồng đạt 45% KH, 39% so với cùng kỳ do Công ty chủ động dẫn tiến độ để thận trọng nhằm đạt được hiệu quả trong công tác đầu tư và diễn biến thực tế tại từng thời điểm. Công tác đầu tư thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước và Quy chế đầu tư của Công ty.

- Đánh giá chung:

Mặc dù lợi nhuận từng loại hình kinh doanh vẫn còn chưa đạt như kỳ vọng đặt ra theo kế hoạch và so với cùng kỳ do gặp nhiều khó khăn trước diễn biến của thị trường. Tuy nhiên, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý đã tích cực triển khai nhiều giải pháp hoàn thành các chỉ tiêu KH, duy trì ổn định Công ty, bảo toàn vốn cổ đông, nâng cao đời sống và thu nhập của cán bộ công nhân viên. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Giám đốc được thực hiện cơ bản theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

2.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

2.3.1. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Tiến hành tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên vào tháng 4/2019, thông qua phương án trả cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt và thực hiện chi trả vào ngày 1/7/2019.

- HĐQT giao kế hoạch SXKD tổng hợp năm 2019 cho Công ty

- HĐQT Công ty đã hoàn tất công tác nâng vốn điều lệ theo tỷ lệ 1:0,5 nhằm tối ưu hóa cơ cấu nguồn vốn, đảm bảo an toàn tài chính, tăng khả năng thanh toán và đáp ứng nhu cầu vốn cho sự phát triển của Công ty sau khi thông qua Đại hội cổ đông bất thường ngày 26/12/2018 và đã được UBCKNN chấp thuận

- Thực hiện các thủ tục, công tác đầu tư cơ sở vật chất và phương tiện nhằm nâng lưu lượng cho Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe PTS

- Xây dựng và hoàn thiện đề án hợp tác với Công ty CP nhiên liệu bay Petrolimex thuê sân sau văn phòng Công ty làm kho nhiên liệu

- Hoàn thành các thủ tục đầu tư và triển khai thi công các CHXD theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2019 thông qua

- Bổ nhiệm lại chức danh Phó giám đốc Công ty đối với Ông Mạnh Xuân Hùng và Ông Trương Hồng Toàn, bổ nhiệm lại chức danh Kế toán trưởng Công ty đối với Ông Đào Ngọc Tiến

- Trong năm HĐQT đã tiến hành họp định kỳ 4 phiên và tổ chức 2 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT.

2.4. Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm:

- Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 và chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.

- Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán An Việt theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

- Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2019 thông qua.

- Năm 2019 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông (*doanh thu, lợi nhuận sau thuế, tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu, cổ tức*).

- Đánh giá hiệu quả các CHXD đi thuê và thanh lý Hợp đồng các CHXD không mang lại hiệu quả (CHXD Nam Nghĩa ngày 1/4/2019 và CHXD Quỳnh Thiện ngày 11/4/2019)

- Thành lập và đưa vào hoạt động cửa hàng xăng dầu Thạch Quý trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2019 phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng thẩm quyền theo quy định của Pháp luật và Công ty.

2.5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông

- Trong năm 2019, BKS được cung cấp thông tin về Nghị quyết, Quyết định HĐQT, các thành viên BKS được mời tham gia đầy đủ các phiên họp định kỳ của HĐQT.

- BKS phối hợp với ban điều hành rà soát cân đối năng lực vận tải, công nợ phải thu. Hoàn thành báo cáo hoạt động BKS sau khi tiếp thu các ý kiến của HĐQT.

- Tham gia các cuộc kiểm tra đột xuất, kiểm kê quý, năm tại các cửa hàng xăng dầu và kiểm tra định kỳ công tác hoạt động kinh doanh tại Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe PTS, công tác PCCC, ATVSLĐ&BVMT, đo lường chất lượng, công tác bán hàng tại các CHXD và phương tiện vận tải, xưởng cơ khí sửa chữa, trung tâm gas và trung tâm cột bơm.

- Đối với cổ đông: trong năm BKS không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

Nhìn chung trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, BKS đã được HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban trong Công ty tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

- Công ty tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức kinh tế kỹ thuật để có hệ thống các quy định nội bộ phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện thực tế tại Công ty phục vụ quản trị doanh nghiệp hiệu quả

- Khai thác năng lực vận tải một cách tối đa, chỉ thực hiện hợp đồng thuê ngoài khi nhu cầu vận tải thực sự cần thiết.

- Tăng cường công tác quản lý công nợ tại các CHXD, đôn đốc thu hồi các khoản nợ quá hạn dưới 1 năm mới phát sinh tại CHXD, hoàn thiện hồ sơ đối với các khoản nợ trên 3 năm gửi tòa án xét xử. Quy trách nhiệm cá nhân đối với các trường hợp bán hàng cho khách nợ ngoài quỹ tiền mặt, khách nợ không có Hợp đồng và thu hồi tích cực, nhanh chóng hơn nữa, phân loại các khách nợ để làm căn cứ trích lập dự phòng

- Tăng cường quản lý tại Trung tâm cột bơm để đảm bảo công tác kinh doanh và có biện pháp thu hồi công nợ lâu dài của các công trình khai thác ngoài doanh nghiệp.

- Thị trường bán lẻ đang ảnh hưởng bởi sự cạnh tranh từ các nhà cung cấp khác, do vậy cần xây dựng cơ chế cho cửa hàng trưởng nhằm kích thích gia tăng sản lượng ở thị trường đóng vai trò rất quan trọng này.

- Phân tích, đánh giá hiệu quả các tài sản đã đầu tư. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn để có giải pháp sử dụng vốn an toàn và hiệu quả.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019. Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và cho ý kiến để Ban kiểm soát thực hiện tốt hơn vai trò của mình trong việc giám sát các hoạt động của Công ty.

Thay mặt Ban kiểm soát tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo, các đơn vị phòng ban, các quý vị cổ đông trong năm qua đã phối hợp, tạo điều kiện giúp đỡ BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó. Kính chúc các Quý cổ đông và các Quý vị đại biểu sức khỏe, thành công và hạnh phúc./.

Nơi nhận:

- HĐTV TCty (thay b/cáo);
- HĐQT, Ban GD cty;
- Các Cổ đông;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Anh Tuấn

Số: /PTSNT-BC-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 23 tháng 6 năm 2020



BÁO CÁO

Về việc quyết toán QTL và thù lao của các thành viên HĐQT,
các thành viên Ban kiểm soát Công ty năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (PTS Nghệ Tĩnh) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/04/2018;

Căn Nghị quyết 170/PTSNT-NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông PTS Nghệ Tĩnh về việc thông qua phương án về quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 và kết quả hoạt động SXKD năm 2019 của PTS Nghệ Tĩnh;

Hội đồng quản trị PTS Nghệ Tĩnh kính trình ĐHĐCĐ năm 2020 thông qua Báo cáo về việc quyết toán quỹ tiền lương và thù lao đối với của các thành viên HĐQT, các thành viên BKS năm 2019 như sau:

1. Mức lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/04/2019. Theo đó, Tổng quỹ tiền lương và thù lao của HĐQT năm 2019 là: **1.445.076.000 đồng**.

2. Mức lương, thù lao của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/04/2019. Theo đó, Tổng quỹ tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2019 là: **507.996.000 đồng**.

(Có phương án cụ thể về quyết toán QTL và thù lao đối với của các thành viên HĐQT, các thành viên BKS kèm theo).

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 xem xét, thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2019

(Trích báo cáo đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	11	100		70,831	65,602
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	110		2,609	5,021
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	112	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	113	130		37,906	41,239
IV. Hàng tồn kho	114	140	V.7	22,795	11,106
V. Tài sản ngắn hạn khác	115	150		7,520	8,236
B. Tài sản dài hạn	12	200		183,168	181,524
I. Các khoản phải thu dài hạn	121	210			
II. Tài sản cố định	122	220		154,905	162,593
III. Bất động sản đầu tư	123	230	V.12		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	124	240	V.8	15,686	7,637
V. Đầu tư tài chính dài hạn	125	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	126	260		12,577	11,294
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	1	270		253,999	247,125
C. Nợ phải trả	21	300		177,289	191,702
I. Nợ ngắn hạn	211	310		159,294	164,884
II. Nợ dài hạn	212	330		17,994	26,818
D. Vốn chủ sở hữu	22	400		76,710	55,423
I. Vốn chủ sở hữu	221	410	V.25	76,710	55,423
1. Vốn góp của chủ sở hữu	22101	411		58,477	38,985
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22111	421		7,265	6,407
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	2	440		253,999	247,125

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
(Trích báo cáo đã được kiểm toán)

Mẫu số B 01-DN/HN
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm (báo cáo)	Năm (trước)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,264,174	1,252,560
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3.	DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1,264,174	1,252,560
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,159,212	1,154,841
5.	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		104,961	97,718
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	274	292
7.	Chi phí tài chính	22	VI.5	12,725	11,482
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12,409	11,420
8.	Phân lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.8	57,190	52,838
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	26,540	25,468
11.	LN thuần từ hoạt động KD (30=20+21-22+24-25-26)	30		8,779	8,222
12.	Thu nhập khác	31	VI.6	691	349
13.	Chi phí khác	32	VI.7	221	247
14.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		471	102
15.	Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9,250	8,324
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1,986	1,917
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
18.	LN sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		7,264	6,407
18.1	LNST của cổ đông Công ty mẹ	61		7,264	6,407
18.2	LNST của cổ đông không kiểm soát (62=60-61)	62		0	0
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1,458	1,677
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2019

(Trích báo cáo đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	11	100		70,830,802,974	65,601,557,952
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	110		2,609,023,897	5,021,110,311
1. Tiền	1111	111	V.1	2,609,023,897	5,021,110,311
2. Các khoản tương đương tiền	1112	112			0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	112	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	1121	121	V.2.a		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	1122	122	V.2.a		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1123	123	V.2.b1		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	113	130		37,906,047,991	41,238,684,923
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1131	131	V.3.a	35,584,040,330	39,418,288,584
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1132	132		263,090,570	214,262,495
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	1133	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	1134	134			0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	1135	135	V.2.b1		0
6. Phải thu ngắn hạn khác	1136	136	V.4.a	3,328,558,230	2,892,095,832
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	1137	137	V.4.a	(1,269,641,139)	(1,285,961,988)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	1138	139	V.5		0
IV. Hàng tồn kho	114	140	V.7	22,795,463,784	11,105,733,605
1. Hàng tồn kho	1141	141		22,795,463,784	11,105,733,605
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	1142	149			0
V. Tài sản ngắn hạn khác	115	150		7,520,267,302	8,236,029,113
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	1151	151	V.13.a	5,838,171,063	6,458,941,694
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1152	152		1,682,096,239	1,713,101,046
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1153	153	V.17.b		63,986,373
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	1154	154			0
5. Tài sản ngắn hạn khác	1155	155	V.14.a		0
B. Tài sản dài hạn	12	200		183,167,845,224	181,523,702,576
I. Các khoản phải thu dài hạn	121	210		0	
II. Tài sản cố định	122	220		154,904,994,408	162,592,888,752
1. Tài sản cố định hữu hình	1221	221	V.9	152,821,495,001	160,616,429,308
- Nguyên giá	12211	222		295,693,371,967	279,438,456,040
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	12212	223		(142,871,876,966)	(118,822,026,732)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	1222	224	V.11	0	
- Nguyên giá	12221	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	12222	226			
3. Tài sản cố định vô hình	1223	227	V.10	2,083,499,407	1,976,459,444
- Nguyên giá	12231	228		3,378,235,000	3,068,235,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	12232	229		(1,294,735,593)	(1,091,775,556)
III. Bất động sản đầu tư	123	230	V.12	0	
- Nguyên giá	1231	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	1232	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	124	240	V.8	15,686,147,619	7,636,866,347
1. Chi phí SX, kinh doanh dở dang dài hạn	1241	241			0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1242	242		15,686,147,619	7,636,866,347
V. Đầu tư tài chính dài hạn	125	250		0	
VI. Tài sản dài hạn khác	126	260		12,576,703,197	11,293,947,477
1. Chi phí trả trước dài hạn	1261	261	V.13.b	12,576,703,197	11,293,947,477

2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1262	262	V.24.a		0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	1263	263	V.7		
4. Tài sản dài hạn khác	1264	268	V.14.b		
5. Lợi thế thương mại	1265	269	V.13.c		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	1	270		253,998,648,198	247,125,260,528
C. Nợ phải trả	21	300		177,288,691,795	191,702,406,284
I. Nợ ngắn hạn	211	310		159,294,465,545	164,884,119,034
1. Phải trả người bán ngắn hạn	21101	311	V.16.a	32,897,983,000	22,454,618,486
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21102	312		4,447,260,889	1,752,829,772
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21103	313	V.17.a	1,524,820,057	653,035,554
4. Phải trả người lao động	21104	314		3,174,333,115	7,001,814,128
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21105	315	V.18.a	177,358,731	188,218,549
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	21106	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	21107	317			0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21108	318	V.20.a		0
9. Phải trả ngắn hạn khác	21109	319	V.19.a	1,553,937,206	1,691,349,497
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21110	320	V.15.a	113,811,570,627	129,517,728,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21111	321	V.23.a	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21112	322		1,707,201,920	1,624,525,048
13. Quỹ bình ổn giá	21113	323			0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	21114	324			0
II. Nợ dài hạn	212	330		17,994,226,250	26,818,287,250
1. Phải trả người bán dài hạn	2121	331	V.16.b		0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	2122	332			0
3. Chi phí phải trả dài hạn	2123	333	V.18.b		0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	2124	334			0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	2125	335			0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	2126	336	V.20.b		0
7. Phải trả dài hạn khác	2127	337	V.19.b		0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2128	338	V.15.b	17,994,226,250	26,818,287,250
D. Vốn chủ sở hữu	22	400		76,709,956,403	55,422,854,244
I. Vốn chủ sở hữu	221	410	V.25	76,709,956,403	55,422,854,244
1. Vốn góp của chủ sở hữu	22101	411		58,476,850,000	38,984,570,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	221011N	411a		58,476,850,000	38,984,570,000
- Cổ phiếu ưu đãi	221012N	411b			0
2. Thặng dư vốn cổ phần	22102	412		326,109,150	326,109,150
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	22103	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	22104	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	22105	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	22106	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22107	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	22108	418		10,642,169,122	9,705,144,755
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	22109	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	22110	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22111	421		7,264,828,131	6,407,030,339
- LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	221111N	421a		430,000	430,000
- LNST chưa phân phối kỳ này	221112N	421b		7,264,398,131	6,406,600,339
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	22112	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22113	429			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	222	430	V.28	0	0
1. Nguồn kinh phí	2221	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	2222	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	2	440		253,998,648,198	247,125,260,528

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019

(Trích báo cáo đã được kiểm toán)

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm (báo cáo)	Năm (trước)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,264,173,643,937	1,252,559,606,666
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2		-
3.	DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1,264,173,643,937	1,252,559,606,666
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,159,212,441,891	1,154,841,397,678
5.	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		104,961,202,046	97,718,208,988
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	274,221,475	291,890,990
7.	Chi phí tài chính	22	VI.5	12,725,156,989	11,482,449,832
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12,409,251,455	11,420,128,646
8.	Phân lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.8	57,190,499,362	52,837,587,809
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	26,540,389,824	25,468,278,929
11.	LN thuần từ hoạt động KD (30=20+21-22+24-25-26)	30		8,779,377,346	8,221,783,408
12.	Thu nhập khác	31	VI.6	691,281,007	348,886,952
13.	Chi phí khác	32	VI.7	220,677,744	246,996,046
14.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		470,603,263	101,890,906
15.	Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9,249,980,609	8,323,674,314
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1,985,582,478	1,917,073,975
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11		
18.	LN sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		7,264,398,131	6,406,600,339
18.1	LNST của cổ đông Công ty mẹ	61		7,264,398,131	6,406,600,339
18.2	LNST của cổ đông không kiểm soát (62=60-61)	62		0	-
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1,458	1,677
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận thực hiện		9,249,980,609
1a	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh		9,249,980,609
1b	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
1c	Lợi nhuận chịu thuế TNDN		9,249,980,609
1d	Chi phí chịu thuế TNDN		0
2	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		
3	Thuế TNDN		1,985,582,478
3a	Từ hoạt động kinh doanh		1,985,582,478
3b	Thuế TNDN từ lãi CLTG chưa thực hiện		
4	Lợi nhuận sau thuế		7,264,398,131
4a	LNST từ hoạt động kinh doanh		7,264,398,131
4b	LNST từ lãi CLTG chưa thực hiện		
5	Chia cổ tức năm 2019 (10%)	80%	5,847,685,000
6	Quỹ đầu tư phát triển	14%	991,699,192
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6%	425,013,939

**QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO
CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2019**

A. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2019:

- Lợi nhuận sau thuế: 7.264 Triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu bình quân: 65.500 Triệu đồng.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: 11,1 %
- * Yếu tố loại trừ trong việc xác định tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (nếu có)

B. Quỹ tiền lương, thù lao năm 2019

TT	Chức danh	Số người bình quân	Mức lương/ thù lao cơ bản (đ/th)	Mức lương/ thù lao kế hoạch (đ/th)	Số tháng thực hiện	Quỹ lương, thù lao kế hoạch (đ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3)x(5)x(6)	(8)
I	Hội đồng quản trị					1,445,076,000	
1	Chủ tịch HĐQT					517,860,000	
-	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	1	30,000,000	41,100,000	6	246,600,000	Từ T1 đến T6
-	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	1	33,000,000	45,210,000	6	271,260,000	Từ T7 đến T12
2	Thành viên HĐQT					927,216,000	
-	Ban điều hành kiêm nhiệm TV HĐQT	2	23,000,000	31,510,000	6	378,120,000	Từ T1 đến T6
-	Ban điều hành kiêm nhiệm TV HĐQT	2	24,000,000	32,880,000	6	394,560,000	Từ T7 đến T12
-	Thành viên nhóm đại diện vốn của Tổng công ty	1	4,600,000	6,302,000	6	37,812,000	Từ T1 đến T6
-	Thành viên nhóm đại diện vốn của Tổng công ty	1	4,800,000	6,576,000	6	39,456,000	Từ T7 đến T12
-	Thành viên độc lập	1	4,600,000	6,302,000	6	37,812,000	Từ T1 đến T6
-	Thành viên độc lập	1	4,800,000	6,576,000	6	39,456,000	Từ T7 đến T12
II	Ban Kiểm soát					507,996,000	
1	Trưởng ban Kiểm soát					386,340,000	
-	Chuyên trách	1	23,000,000	31,510,000	6	189,060,000	Từ T1 đến T6
-	Chuyên trách	1	24,000,000	32,880,000	6	197,280,000	Từ T7 đến T12
2	Thành viên Ban Kiểm soát					121,656,000	
-	Kiểm nhiệm	2	3,600,000	4,932,000	6	59,184,000	Từ T1 đến T6
-	Kiểm nhiệm	2	3,800,000	5,206,000	6	62,472,000	Từ T7 đến T12
III	Ban điều hành					386,340,000	
-	Phó giám đốc	1	23,000,000	31,510,000	6	189,060,000	Từ T1 đến T6
-	Phó giám đốc	1	24,000,000	32,880,000	6	197,280,000	Từ T7 đến T12

* Ghi chú: Mức lương cơ bản của Người quản lý chuyên trách được điều chỉnh vào tháng 7/2019 khi Công ty nâng vốn điều lệ từ 39 tỷ lên 58 tỷ đồng

LẬP BIỂU

P. KẾ TOÁN

TRƯỞNG NHÓM ĐẠI DIỆN VỐN

**KẾ HOẠCH QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO
CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2020**

A. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2020:

- Lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch: 5.030 Triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu kế hoạch bình quân: 76.000 Triệu đồng.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu theo kế hoạch: 6.6 %
- * Yếu tố loại trừ trong việc xác định tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (nếu có)

B. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020

ĐVT: đồng

TT	Chức danh	Số người bình quân	Mức lương/ thù lao cơ bản (đ/th)	Mức lương/ thù lao kế hoạch (đ/th)	Số tháng thực hiện	Quỹ lương, thù lao kế hoạch (đ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3)x(5)x(6)	(8)
I	Hội đồng quản trị					1,326,384,000	
1	Chủ tịch HĐQT					483,120,000	
-	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	1	33,000,000	40,260,000	12	483,120,000	
2	Thành viên HĐQT					843,264,000	
-	Ban điều hành kiêm nhiệm TV HĐQT	2	24,000,000	29,280,000	12	702,720,000	
-	Thành viên nhóm đại diện vốn của Tổng công ty	1	4,800,000	5,856,000	12	70,272,000	
-	Thành viên độc lập	1	4,800,000	5,856,000	12	70,272,000	
II	Ban Kiểm soát					462,624,000	
1	Trưởng ban Kiểm soát					351,360,000	
-	Chuyên trách	1	24,000,000	29,280,000	12	351,360,000	
2	Thành viên Ban Kiểm soát					111,264,000	
-	Kiểm nhiệm	2	3,800,000	4,636,000	12	111,264,000	
III	Ban điều hành					351,360,000	
-	Phó giám đốc	1	24,000,000	29,280,000	12	351,360,000	

LẬP BIỂU

P. KẾ TOÁN

TRƯỞNG NHÓM ĐẠI DIỆN VỐN

Số: /PTSNT-BC-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 23 tháng 6 năm 2020



TỜ TRÌNH

Về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT
và trả lương, thù lao thành viên Ban kiểm soát Công ty năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (PTS Nghệ Tĩnh) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/04/2018;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, kế hoạch SXKD năm 2020 của PTS Nghệ Tĩnh;

Hội đồng quản trị PTS Nghệ Tĩnh kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban kiểm soát Công ty năm 2020, như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT và BKS:

* Tổng QTL và thù lao của HĐQT năm 2020 tối đa được hưởng là: **1.326.384.000 đồng**

* Tổng QTL và thù lao của BKS năm 2020 tối đa được hưởng là: **462.624.000 đồng**
(Có phương án chi tiết trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban kiểm soát năm 2020 kèm theo)

2. Phương thức trả thù lao cho các Thành viên HĐQT, các Thành viên BKS Công ty năm 2020: Thực hiện tạm thanh toán hàng tháng và được quyết toán khi kết thúc năm tài chính. HĐQT sẽ báo cáo ĐHĐCĐ Công ty năm 2021 thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 xem xét, thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Số: /PTX-TT-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 23 tháng 6 năm 2020



TỜ TRÌNH

V/v: Xin phê duyệt ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu và
hợp đồng vận tải xăng dầu

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 12/4/2018;

- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;

Giám đốc Công ty đã đàm phán và hoàn thiện Hợp đồng nguyên tắc cung cấp mua bán xăng dầu và dịch vụ vận chuyển xăng dầu cho Tổng Công ty dịch vụ xăng dầu Petrolimex và xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Tên Hợp đồng: Hợp đồng mua bán xăng dầu và Hợp đồng vận tải xăng dầu;
- Đơn vị bán: Tổng Công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex (PTC);
- Đơn vị mua: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh;
- Phạm vi công việc: Mua bán các mặt hàng xăng dầu; Vận chuyển xăng dầu từ các kho xăng dầu tới các Cửa hàng xăng dầu bán lẻ và các khách hàng bán buôn/đại lý/TNNQ/TNPP của các Công ty xăng dầu thành viên, Công ty xăng dầu Quân đội Lào, Công ty xăng dầu Quốc gia Lào và các khách hàng khác của Tổng Công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex;

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Năm 2020;

- Tổng số lượng mua bán xăng dầu dự kiến: 62.600 m³;

- Tổng giá trị hợp đồng mua bán xăng dầu dự kiến: 676.900 Triệu đồng

- Tổng khối lượng vận chuyển xăng dầu dự kiến: 58.041.000 m³km;

- Tổng giá trị hợp đồng vận chuyển xăng dầu dự kiến: 98.000 Triệu đồng

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua hợp đồng và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt/quyết định các bước tiếp theo để triển khai thực hiện ký kết hợp đồng trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật hiện hành, điều lệ và các quy chế của Công ty.

Kính trình Đại hội!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Số: /PTSNT-TT-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 23 tháng 6 năm 2020



TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Khoản a Điểm 1 Điều 36 Điều lệ Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/4/2018;

Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ các tiêu thức lựa chọn và danh sách Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, cụ thể như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết năm 2020;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất:

Căn cứ các tiêu thức trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách các công ty kiểm toán sẽ được lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính

năm 2020 của Công ty và ủy quyền Hội Đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trong danh sách sau đây:

- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt CPA (An Viet)
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (CPA);
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn TCKT và Kiểm toán Nam Việt (AASCN);
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC).
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Châu Á (FADACOM)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Số: /PTSNT-TT-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 23 tháng 6 năm 2020



PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2019

(Trình ĐHĐCĐ thường niên 2020)

I. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

- Căn cứ Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (PTS Nghệ Tĩnh) đã được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/04/2018;

- Căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/04/2019;

- Căn cứ Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2019 của PTS Nghệ Tĩnh đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán An Việt;

- Căn cứ kết quả SXKD thực hiện năm 2019;

II. Số liệu phân phối cụ thể như sau:

2.1 Tổng Lợi nhuận sau thuế năm 2019: 7.264.398.131 đồng

2.2 Phân phối lợi nhuận:

2.2.1. Chi trả cổ tức năm 2019 (cổ tức 10% bằng tiền mặt)

- Số tiền chia cổ tức năm 2019: 5.847.685.000 đồng, chiếm tỷ lệ 80% tổng lợi nhuận sau thuế.

- Mức chia cổ tức năm 2019: 1.000 đồng/Cổ phần

2.2.2. Phân phối hai quỹ khen thưởng, phúc lợi: 425.013.939 đồng, chiếm tỷ lệ 6% tổng lợi nhuận sau thuế.

2.2.3. Phân phối hai quỹ đầu tư phát triển: 991.699.192 đồng, chiếm tỷ lệ 14% tổng lợi nhuận sau thuế.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Số: /PTSNT-TT-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 23 tháng 6 năm 2020



TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Khoản a Điểm 1 Điều 36 Điều lệ Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/4/2018;

Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ các tiêu thức lựa chọn và danh sách Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, cụ thể như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết năm 2020;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất:

Căn cứ các tiêu thức trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách các công ty kiểm toán sẽ được lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính

năm 2020 của Công ty và ủy quyền Hội Đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trong danh sách sau đây:

- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt CPA (An Viet)
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (CPA);
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn TCKT và Kiểm toán Nam Việt (AASCN);
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC).
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Châu Á (FADACOM)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**